

Bản án số: 05/2025/DS-PT

Ngày 10 - 01 - 2025

V/v “*Tranh chấp yêu cầu trả lại tiền  
bồi thường thu hồi quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Xuân Long

*Các Thẩm phán:* Ông Trịnh Hoàng Anh

Bà Bùi Thị Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:** Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 277/2024/TLPT-DS ngày 29/11/2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu trả lại tiền bồi thường thu hồi quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 354/2024/QĐ-PT ngày 12/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2024/QĐ-PT ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: A đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh B (vắng mặt)

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Ông Võ Văn T1, chức vụ Trưởng phòng bồi thường giải phóng mặt bằng Ban Quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B (có mặt) và ông Đoàn Hữu T2, chức vụ: Cán bộ phòng bồi thường Ban Quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B (có mặt);

- **Bị đơn:** Bà Phạm Hương D, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: 4 đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

+ Bà Đặng Kim T3, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: 4 C, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Vũ Quang V, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: F C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Ông Lê Đình T4, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: 4 N, Phường A, thành phố V tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân thành phố V;

Địa chỉ: H L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Hoàng Vũ T5 – Chủ tịch UBND thành phố V (vắng mặt);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V:* Ông Huỳnh Anh T6, chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Phạm Hương D, sinh năm 1981; là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn yêu cầu ngày 09/3/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn - Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Dự án nâng cấp đê H, Phường A, thành phố V được Ủy ban nhân dân tỉnh B giao cho Ban quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B làm chủ đầu tư, tại văn bản số 7151/UBND-VP ngày 31/8/2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh B.

Căn cứ các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố V: Quyết định số 3992/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013 về việc thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại Phường A, thành phố V do bà Phạm Hương D đang sử dụng đất để nâng cấp đê Hải Đăng; Quyết định số 4061/QĐ-UBND, ngày 22/10/2013 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Hương D - người được ủy quyền là bà Đặng Kim T3; địa chỉ số D đường C, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh, do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư cải tạo đê H tại Phường A, thành phố V đã bồi thường việc thu hồi đất cho bà D là 1.315.033.700 đồng. Ban quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B đã thực hiện chi trả số tiền 1.315.033.700 đồng cho bà D và bà D đã giao mặt bằng thi công.

Sau đó Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành các quyết định:

Quyết số 7599/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 3992/QĐ-UBND, ngày 17/10/2013; Quyết định số 7601/QĐ-UBND, ngày 29/01/2018 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 4061/QĐ-UBND, ngày 22/10/2013 và Quyết định số 7602/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018 về việc thu hồi toàn bộ số tiền đã chi trả cho bà Phạm Hương D tại Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 22/10/2013.

Trên cơ sở đó, nguyên đơn đã có văn bản 782/CV-BQL-TH, ngày 21/11/2018 đề nghị bà Phạm Hương D - người được uỷ quyền bà Đặng Kim T3 nộp số tiền 1.315.033.700đ đã nhận vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc để chờ xử lý tranh chấp, tuy nhiên bà T3 cho rằng việc thu hồi số tiền là chưa có cơ sở. Bà T3 có đơn khiếu nại. Tiếp đó, ngày 13/12/2018 nguyên đơn đã có văn bản số 838/CV-BQL-TH gửi Ủy ban nhân dân thành phố V về việc chưa thu hồi được số tiền đã chi trả cho bà Phạm Hương D.

Ngày 19/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1143/QĐ-UBND về việc thu hồi huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 157645 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 25/3/2010 cho bà Phạm Hương D.

Nay Ủy ban nhân dân tỉnh B yêu cầu Tòa án: Tuyên buộc bà Phạm Hương D trả lại 1.315.033.700đ (một tỷ ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm đồng) tiền chi trả của nhà nước do thu hồi đất cho Ủy ban nhân dân tỉnh B.

2. *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Quang V, bà Đặng Kim T3 và ông Lê Đình T4 trình bày:*

Ông V, bà T3 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Hương D là bị đơn trong vụ án Dân sự sơ thẩm số 314/2020/TLST-DS về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” theo Thông báo thụ lý vụ án số 314/2020/TLST-DS ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nội dung vụ việc và yêu cầu: Ngày 20/8/2000, bà Đặng Kim T3 có mua của vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Ngọc T7 5.000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp bằng giấy tay. Khi mua các bên có xuống bàn giao thực địa và bà T7 sử dụng đất liên tục từ ngày nhận chuyển nhượng đến nay. Năm 2009, bà T7 có nhờ cháu chồng là bà Phạm Hương D đứng tên thay và làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn P khai phá trước năm 1970. Đến năm 2000, bà Vũ Thị Thu H môi giới để ông P bán cho vợ chồng bà N. Vì vậy, khi làm hồ sơ xin cấp đất của bà D, bà H có ghi nguồn gốc đất do ông P sang lại cho bà D, mục đích sử dụng là đất trồng bạch đàn.

Tuy nhiên, do nhầm lẫn nên bà H và bà D ghi trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 22, tờ bản đồ 21, thực tế là thửa 19, 20 tờ bản đồ 21, nay là thửa 33, 34 tờ bản đồ số 44.

Trong quá trình làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi kiểm tra thực tế hiện trạng đất thì Ủy ban nhân dân Phường A1, thành phố V đã xác nhận quyền sử dụng đất này tọa lạc tại thửa 19, 20 tờ bản đồ số 21, Phường A, thành phố V. Vì vậy, năm 2010 Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 157645, diện tích 4.104,2m<sup>2</sup> cho bà D, thực tế là đất của bà T7. Đến năm 2016 Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi của bà D 1.660.1 m<sup>2</sup> để xây dựng công trình nâng cấp đê H, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2014, ông Phan D1 có đơn tranh chấp với bà D. Ông Phan D1 và bà Nguyễn Thị D2 cho rằng thửa đất 19, 20, 21 thuộc tờ bản đồ số 21 là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn P. Năm 2007 bà N làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D2 và đưa bà đến UBND Phường 12 xin xác nhận. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, A1; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tổ chức rất nhiều cuộc họp, xác minh và những văn bản kết luận đều có nội dung xác nhận việc bà D nhận chuyển nhượng đất hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Vụ việc chỉ có sai sót là do bà D và bà H ghi nhầm số thửa đất từ thửa 19, 20 thành thửa 22, tờ bản đồ số 21. Tuy nhiên, Thanh tra thành phố V kiến nghị UBND thành phố V hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D là hoàn toàn không khách quan; UBND thành phố V hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D là chưa đúng quy định của pháp luật. Việc ông Phan D1 tranh chấp đất với bà T7 là không có căn cứ.

Tại báo cáo số 542/UBND-ĐC ngày 02/11/2015 của A1, thành phố V xác nhận: Trước đây ông Phan D1 có đi làm giấy tờ cho bà Nguyễn Thị N nên bà N để cho ông D1 một miếng đất đùng của ông P, tại giấy biên nhận giữa ông P và bà D2 do bà N thể hiện chuyển nhượng đất đùng, hồ sơ xin cấp GCN QSD đất của bà D2 do bà N viết và cầm đến A1 xin xác nhận. Giấy mua bán giữa ông P và bà D2 và hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất do bà N viết rồi đưa cho bà D2 ký tên. Điều này được ông Phan D1 và bà Nguyễn Thị D2 thừa nhận trong bản án số 35/2019/HC- ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Do đất của ông P nhiều nên bà N đã viết nhầm số thửa đất, thực tế thửa đất bà N nhờ bà D2 đứng tên có mục đích sử dụng là đất đùng chứ không phải thửa 19, 20, 21 tờ bản đồ 21. Thực tế việc mua bán đất và nhận tiền giữa ông P và bà D2 không có vì bà N là người đi ký giấy biên nhận mua bán đất. Bà N đề nghị A1 chỉnh sửa lại số thửa đúng cho bà D2 là thửa 245, tờ bản đồ 20. Hiện trạng đất bà D nhận chuyển nhượng của ông P là đất trồng điều, còn đất bà N nhờ bà D2 đứng tên là đất đùng.

Tại Văn bản số 153/CATP (Đ3), ngày 12/7/2016 của Công an thành phố V, bà Phan Thị N1 là cán bộ địa chính Phường 12 thừa nhận: Trong phần xác nhận cho bà D2 do thiếu kiểm tra thực tế nên bà xác nhận không đúng thửa đất và mục đích sử dụng đất. Còn trong phần xác nhận cho bà D, bà N1 có kiểm tra sổ bộ và cùng với bộ phận đo vẽ của phòng Tài nguyên và môi trường xuống thực tế hiện trường, nên phần xác nhận của bà D là đúng thực tế. Ông Vũ Đăng K, nguyên

chủ tịch Phường A là người thay mặt UBND Phường 12 ký xác nhận trên 02 đơn xin cấp GCN QSD đất của bà D2 và bà D. Ông K thừa nhận rằng có lỗi do tin tưởng cấp dưới, không kiểm tra cụ thể mà vẫn xác nhận nên dẫn đến tình trạng khiếu kiện kéo dài. Ông cho biết, phần xác nhận cho bà D là đúng quy trình và đề nghị Ủy ban nhân dân Phường A1 hủy phần xác nhận cho bà D2.

Tại các biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân Phường A1 và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V: Các nhân chứng gồm ông Phan Quốc T8 là Trưởng khu phố; bà Vũ Thị Thu H là người môi giới mua bán đất giữa ông P và bà N; ông Vũ Đức P1 là con trai ông P; ông Vũ Hoàng A là cháu của ông P và người có đất liền kề gồm bà Đoàn Thị D3 và ông Trần Quốc T9 là vợ con ông Trần Văn T10 đều xác nhận ông P chuyển nhượng thửa đất này cho bà N, sau đó bà N chuyển nhượng lại cho bà T7, bà T7 nhờ cháu gái là Phạm Hương D đứng tên. Bà T7 sử dụng thửa đất 19, 20 tờ bản đồ số 21 liên tục từ năm 2000 đến nay. Các nhân chứng và những người có đất liền kề đều khẳng định không biết ông D1, bà D2 là ai.

Tại Bản án số 362/2020/HCPT ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố V khẳng định đến thời điểm này, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào công nhận thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 cho ông D1 bà D2. Ngoài ra, cũng tại trang 11 của bản án này, Tòa án nhân dân cấp cao khẳng định, thực tế bà D đang quản lý, sử dụng đất còn ông Phan D1, bà Nguyễn Thị D2 không quản lý, sử dụng phần đất này.

Vì vậy nguồn gốc: Thửa đất số 19, 20, tờ bản đồ số 21, nay là thửa đất số 33, 34, tờ bản đồ số 33, Phường A, thành phố V do ông Vũ Văn P2 khai phá, đến năm 2000 ông P2 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N, và cũng trong năm 2000, bà N chuyển nhượng lại cho bà Đặng Kim T3, bà T3 nhờ cháu gái là Phạm Hương D đứng tên.

Về quá trình sử dụng: Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T3 và bà D quản lý sử dụng thửa đất này liên tục từ năm 2000 đến nay. Bản án số 362/2020/HCPT ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện rõ nội dung này.

Căn cứ vào điểm a, Khoản 1, Điều 91 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, có thể khẳng định thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21, nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33, Phường A, thành phố V thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Hương D.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên xử:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc yêu cầu bà Phạm Hương D trả lại 1.315.033.700đ (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm đồng).

+ Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21, nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Phạm Hương D.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:*

Việc trình tự thủ tục ban hành các Quyết định thu hồi, điều chỉnh, huỷ bỏ như đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày không đúng thẩm quyền là không có căn cứ, bởi người ban hành các Quyết định trên đã được Chủ tịch uỷ quyền. Còn việc chi trả tiền bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh - Ban quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B chi trả cho người có đất thu hồi là bà Phạm Hương D.

*4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với bị đơn bà Phạm Hương D.

1.1. Buộc bà Phạm Hương D phải trả lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh B số tiền 1.315.033.700đ (một tỷ ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Bác yêu cầu của bị đơn bà Phạm Hương D, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21, nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33 Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

*5. Nội dung kháng cáo:*

Ngày 19/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Hương D, ngày 23/8/2024 bà D có đơn sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

*6. Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*7. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 165, 166 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Hương D; để tuyên xử: Buộc bà Phạm Hương D phải trả lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh B số tiền 1.315.033.700đ (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm đồng) và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cụ thể, hủy nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử: Bác yêu cầu của bị đơn bà Phạm Hương D, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33), Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Hương D đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự; các đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng, một số đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đây là phiên tòa lần thứ hai; theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Phạm Hương D thì thấy:

[2.1] Thửa đất số 26542.33.44, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Phường A, thành phố V có diện tích 4.104,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 157645 ngày 25/3/2010 cho bà Phạm Hương D.

Ngày 17/10/2013, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 3992/QĐ-UBND về việc: Thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại Phường A, thành phố V do ông, bà: Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3) đang sử dụng để thực hiện dự án: Nâng cấp đê H, Phường A, thành phố V.

Ngày 22/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 4061/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3), địa chỉ: 4 C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Nâng cấp đê H tại Phường A, thành phố V. Theo đó, diện tích đất thu hồi là: 1.660,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận QSD đất số BD 157645 ngày 25/3/2010 của UBND thành phố V cấp cho bà Phạm Hương D và hoa màu trên đất; với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.315.033.700 đồng.

Ngày 15/11/2013, Ban Q - Ủy ban nhân dân tỉnh B đã tiến hành chi trả số tiền 1.315.033.700 đồng cho bà Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3 là người nhận tiền).

[2.2] Ngày 19/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 11143/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cụ thể: Thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 157645 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 25/3/2010 cho bà Phạm Hương D; lý do hủy bỏ: UBND phường A1, thành phố V xác nhận “Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” vào ngày 03/8/2009 không đúng thửa đất theo đơn của bà Phạm Hương D.

Ngày 29/10/2018, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 7599/QĐ-UBND về việc: Điều chỉnh một phần quyết định số 3992/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND thành phố V; cụ thể: Điều chỉnh một phần Quyết định số 3992/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND thành phố V về việc thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố V do ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3) đang sử dụng để xây dựng công trình Nâng cấp Đ, phường A, thành phố V. Nay điều chỉnh lại là: Về việc thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố V do các ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3) - Phan D1 sử dụng để thực hiện dự án Nâng cấp đê H tại phường A, thành phố V.

Lý do: Phần diện tích 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố V có tranh chấp giữa ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3), địa chỉ số D C, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh với ông (bà) Phan Danh địa chỉ số F đường N, phường D, thành phố V; UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 11143/QĐ UBND ngày 19/12/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 157645 do UBND thành phố V cấp ngày 25/3/2010 cho bà Phạm Hương D.

Ngày 29/10/2018, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 7601/QĐ-UBND về việc: Điều chỉnh một phần quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V; cụ thể:

*“Điều 1. Điều chỉnh một phần Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi*



thường, hỗ trợ, cho hộ ông (bà) Phạm Hương D (Người được ủy quyền Đặng Kim T3), địa chỉ 4 C, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đê H, phường A, thành phố V.

Nay điều chỉnh lại là:

Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3), địa chỉ 4 C, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh - ông (bà) Phan D1 do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đê H, phường A, thành phố V.

Lý do:

- Phần diện tích 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố V có tranh chấp giữa ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3), địa chỉ số D C, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh với ông (bà) Phan Danh địa chỉ số F đường N, phường D, thành phố V;

- UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 11143/QĐ- UBND ngày 19/12/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 157645 do UBND thành phố V cấp ngày 25/3/2010 cho bà Phạm Hương D.

Điều 2. Thu hồi lại số tiền 1.315.033.700 đồng (một tỷ, ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm đồng) đã chi trả cho bà Phạm Hương D nộp vào Kho bạc Nhà nước chờ giải quyết tranh chấp xong sẽ chi trả theo quy định.

Điều 3. Giao Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và UBND phường A1 tiến hành thu hồi số tiền 1.315.033.700 đồng (Một tỷ, ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm đồng) đã chi trả cho bà Phạm Hương D (ủy quyền cho bà Đặng Kim T3) để nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định”.

Như vậy, phần diện tích 1.660,1m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố V có tranh chấp giữa ông (bà) Phạm Hương D (người được ủy quyền Đặng Kim T3), địa chỉ số D C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với ông (bà) Phan Danh địa chỉ số F đường N, phường D, thành phố V và UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 11143/QĐ UBND ngày 19/12/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 157645 do UB thành phố V cấp ngày 25/3/2010 cho bà Phạm Hương D. Đồng thời, Quyết định số 7599/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 và số 7601/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V đã điều chỉnh nội dung tại Quyết định 3992/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 và Quyết định 4061/QĐ-UBND ngày 22/10/2013. Do đó, việc chi trả tiền của Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – UBND tỉnh B cho bà Phạm Hương D không còn căn cứ pháp luật; dẫn đến việc bà D đang chiếm giữ số tiền 1.315.033.700 đồng là không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm

buộc bà D phải nộp lại số tiền 1.315.033.700 đồng cho UBND tỉnh B để đưa vào kho bạc nhà nước quản lý là phù hợp, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D về nội dung đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của UBND tỉnh B.

[3] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, UBND tỉnh B khẳng định sẽ tiến hành chi trả khoản tiền 1.315.033.700 đồng cho bà D khi bà D cung cấp được tài liệu chứng cứ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận cho bà D đối với diện tích đất thu hồi. Trong vụ án này, bà D không có yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Phan D1, không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33) tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là của bà D, đồng thời UBND tỉnh B xác nhận không quản lý, sử dụng diện thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33) tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trong đó có diện tích thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> tại phường A, thành phố V). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hương D yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33) tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Phạm Hương D là vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà D hủy nội dung này của bản án sơ thẩm.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà D được quyền khởi kiện các cá nhân, tổ chức có liên quan để xác định ai là người được Ủy ban nhân dân tỉnh B chi trả số tiền 1.315.033.700 đồng đền bù hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> và ai là người sử dụng hợp pháp quyền sử dụng thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33) tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nghĩa vụ chịu án phí đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà D không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Hương D.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cụ thể:

Áp dụng: Điều 163, 164, 165, 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với bị đơn bà Phạm Hương D;

Buộc bà Phạm Hương D phải trả lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh B số tiền 1.315.033.700đ (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm đồng).

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cụ thể, hủy nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử: Bác yêu cầu của bị đơn bà Phạm Hương D, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33), Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Phạm Hương D được quyền khởi kiện các cá nhân, tổ chức có liên quan để xác định ai là người được Ủy ban nhân dân tỉnh B chi trả số tiền 1.315.033.700 đồng đền bù hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 1.660,1m<sup>2</sup> và ai là chủ sử dụng hợp pháp quyền sử dụng thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 21 (nay là thửa đất số 33, 34 tờ bản đồ số 33), tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bằng vụ án dân sự khác (nếu xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà phạm H1 phải chịu án phí 51.451.011đ (năm mươi một triệu, bốn trăm năm mươi một ngàn, không trăm mười một đồng).

Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh B số tiền tạm ứng án phí là 25.725.506đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng) theo biên lai số 0003995 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Hương D không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Hương D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004104 ngày 19/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2025).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Xuân Long**